

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Môi trường thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2266/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 3028/TTr-SNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 05 thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi bổ sung, 04 TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Cụ thể:

1. Phụ lục I: Danh mục 05 TTHC được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

2. Phụ lục II: Danh mục 04 TTHC được bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

(Đính kèm Phụ lục I và Phụ lục II)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

1. Thực hiện cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo đúng quy định, đồng bộ dữ liệu TTHC công bố từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Cơ sở dữ liệu TTHC thành phố Huế theo đúng quy định; trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các TTHC ngay sau khi Quyết định này được ký ban hành, hoàn thành trước ngày 27/6/2025.

2. Niêm yết, công khai và triển khai thực hiện giải quyết TTHC liên quan theo hướng dẫn tại Quyết định số 2266/QĐ-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) theo quy định.

- Hoàn thành việc cấu hình TTHC liên quan đến phần việc của mình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Thay thế các TTHC số 1, từ số 3 đến số 6 tại Phụ lục I và bãi bỏ các TTHC từ số 01 đến số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc công bố chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp huyện.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Cổng TTĐT, TTPVHCC thành phố;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Hải Minh

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số: 1825 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Nội dung sửa đổi, bổ sung
1.	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (1.010733)	Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính: tối đa 50 ngày, cụ thể như sau: - Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Tối đa là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố.	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày	- Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: CT UBND thành phố. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Trình tự thực hiện; - Cách thức thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định; - Quyết định phê duyệt; - Căn cứ pháp lý.

		trường của các dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định của UBND tỉnh (quy định tại khoản 3 Điều 35 của Luật Bảo vệ môi trường). - <i>Thời điểm thông báo kết quả:</i> trong thời hạn thẩm định. - <i>Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường:</i> tối đa 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào			12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.		
--	--	--	--	--	--	--	--

		thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.					
2.	Cấp giấy phép môi trường (1.010727)	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Đối với trường hợp Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố.	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-	- Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: CT UBND thành phố. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Trình tự thực hiện; - Cách thức thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định; - Giấy phép môi trường; - Căn cứ pháp lý.

		môi trường tối đa là 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). - Đối với các trường hợp còn lại: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). Thời gian phân tích mẫu chất thải và hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời			BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.		
--	--	--	--	--	---	--	--

		gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.					
3.	Cấp đổi giấy phép môi trường (1.010728)	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn cấp đổi giấy phép môi trường: Tối đa 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố.	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày	- Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: CT UBND thành phố. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Trình tự thực hiện; - Cách thức thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định; - Giấy phép môi trường; - Căn cứ pháp lý.

					10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.		
4.	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (1.010729)	- Thời hạn trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Không quy định. - Thời hạn cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: Tối đa 25 (hai mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố <i>hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã</i> ;	Theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố.	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP	- <i>Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định</i> : CT UBND thành phố. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Trình tự thực hiện; - Cách thức thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định; - Giấy phép

		lệ. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.	- Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)		ngày 06/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày		môi trường; - Căn cứ pháp lý.
--	--	---	---	--	---	--	--

					16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.		
5.	Cấp lại giấy phép môi trường (1.010730)	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: Không quy định. - Thời hạn cấp lại giấy phép môi trường: Tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Thời gian hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố <i>hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã</i>; - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố.	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-	- <i>Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: CT UBND thành phố.</i> - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Trình tự thực hiện; - Cách thức thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định; - Giấy phép môi trường; - Căn cứ pháp lý.

					BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT- BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT- BNNMT ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.		
--	--	--	--	--	--	--	--

* **Ghi chú:** Nội dung chi tiết của các TTHC đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>).

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN
(Kèm theo Quyết định số: 1825 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1	1.010723	Cấp giấy phép môi trường	Môi trường	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP.	UBND cấp huyện
2	1.010724	Cấp đổi giấy phép môi trường	Môi trường	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP.	UBND cấp huyện
3	1.010725	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	Môi trường	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP.	UBND cấp huyện
4	1.010726	Cấp lại giấy phép môi trường	Môi trường	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP.	UBND cấp huyện